

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐS, TỈNH THANH HÓA

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Thanh Tân

Thư ký phiên họp: Bà Lại Thị Minh Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 54/2022/TLST-VHNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc “ Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2022/QĐST-VHNGĐ ngày 24 hánđ 11 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Nguyễn Thị N - Sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn YC, xã ĐY, huyện ĐS, Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Đình T - Sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn YC, xã ĐY, huyện ĐS, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, trong quá trình giải quyết vụ việc và tại phiên họp bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị Q ở xã ĐY, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa là bạn bè, do kinh tế khó khăn nên năm 2006 bà Q đã đồng ý cho anh Nguyễn Đình T (là con trai của bà Q) làm con nuôi của bà N. Sau khi thông N bà N và bà Q đến UBND xã ĐY, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa để làm thủ tục nuôi con nuôi. Ngày 11/8/2006

UBND xã **ĐY**, huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hóa ra quyết định số 01/QĐ-UBND công nhận bà **N** là mẹ nuôi của cháu Nguyễn Đình **T**. Đến nay bà **N** xét thấy anh Nguyễn Đình **T** đã trưởng thành, không cần phải nuôi dưỡng, chăm sóc nên ngày 08 tháng 11 năm 2022 bà **N** làm đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với anh Nguyễn Đình **T** để yêu cầu Tòa án nhân dân huyện **ĐS** chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với anh Nguyễn Đình **T**.

Ý kiến của đại diện VKSND huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên họp:

- Về việc thực hiện tố tụng: Quá trình giải quyết việc “Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi” và tại phiên họp hôm nay Thẩm phán và Thư ký đã tiến hành đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 5 Điều 29, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 366, Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 78 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 25, Điều 26, Điều 27 Luật nuôi con nuôi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị **N** đề nghị Tòa án tuyên bố chấm dứt việc nuôi con nuôi của bà **N** đối với anh Nguyễn Đình **T**.

- Về lệ phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà **N** là người cao tuổi nên được miễn tiền lệ phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và Đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hóa nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hóa theo định tại khoản 5 Điều 29, khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu giải quyết: Bà Nguyễn Thị **N** đã nhận nuôi con nuôi đối với anh Nguyễn Đình **T**. Việc nuôi con nuôi đã được sự đồng ý của bên cho làm con

nuôi, bên nhận nuôi con nuôi và đã làm thủ tục hợp pháp tại UBND xã **ĐY**, huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hóa theo đúng quy định của pháp luật tại thời điểm nhận nuôi con nuôi, được thể hiện tại các chứng cứ: Lời khai của người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Giấy chứng nhận nuôi con nuôi cấp ngày 11/8/2006. Việc nhận nuôi con nuôi giữa bà Nguyễn Thị **N** và anh Nguyễn Đình **T** là hoàn toàn tự nguyện, trung thực, không bị ép buộc, không bị đe dọa hay mua chuộc, không vụ lợi, không kèm theo yêu cầu trả tiền hoặc lợi ích vật chất khác. Do đó có đủ căn cứ xác định việc nhận nuôi con nuôi giữa bà Nguyễn Thị **N** và anh Nguyễn Đình **T** là hợp pháp.

Tại đơn yêu cầu, bản tự khai và tại phiên họp: Người yêu cầu bà Nguyễn Thị **N** đề nghị chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa bà Nguyễn Thị **N** và anh Nguyễn Đình **T**; anh Nguyễn Đình **T** trí và đồng ý tự nguyện chấm dứt việc nuôi con nuôi.

Do đó yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của bà Nguyễn Thị **N** là có căn cứ chấp nhận theo Điều 26, Điều 27 Luật Nuôi con nuôi; Điều 78 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ngoài ra người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác nên miễn xét.

[3] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị **N** là người cao tuổi nên được miễn tiền lệ phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 29 Bộ Luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 366, Điều 369, Điều 370, Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 25, Điều 26, Điều 27 Luật Nuôi con nuôi; khoản 1 Điều 78 Luật Hôn nhân và gia đình điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của bà Nguyễn Thị **N**. Tuyên bố chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa bà Nguyễn Thị **N** và anh Nguyễn Đình **T**.

- Hủy bỏ Giấy chứng nhận nuôi con nuôi số 01/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2006 của UBND xã **ĐY**, huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hóa.

- Quyền, nghĩa vụ giữa mẹ nuôi bà Nguyễn Thị **N** và con nuôi anh Nguyễn Đình **T** chấm dứt kể từ ngày Quyết định chấm dứt nuôi con nuôi này có hiệu lực pháp luật.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị **N** được miễn tiền lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu bà Nguyễn Thị **N**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đình **T** có quyền kháng cáo; Viện

kiểm sát nhân dân huyện **ĐS** có quyền kháng nghị Quyết định này trong hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện **ĐS**;
- Chi cục THADS huyện **ĐS**;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thanh Tân